

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 242/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa chị Tr và anh N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm 10, xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm 10, xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Tr, anh N đều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-6-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Tr trình bày:

Chị Phạm Thị Tr và anh Phạm Xuân N đăng ký kết hôn ngày 22-12-2008 tại Ủy ban nhân dân xã HQ, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị Tr, anh N chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh N ở xóm 10 xã HQ. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mặc dù đã có gia đình nhưng anh N không chịu tu chí làm ăn, chưa thực sự quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Một số lần vợ chồng xô sát, anh N còn sử dụng vũ lực đối với chị Tr. Do xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tiếp

tục chung sống nên chị Tr và anh N đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2019. Tháng 09 năm 2019, anh N đã làm đơn xin ly với chị Tr. Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã thụ lý vụ án, trong khi đang giải quyết thì anh N xin rút đơn. Tuy nhiên, kể từ khi rút đơn ly hôn đến nay, chị Tr, anh N vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, thực tế vẫn sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại nên chị Tr giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Khánh Ly, sinh ngày 13-10-2009 và cháu Phạm Bảo Khánh, sinh ngày 08-4-2011. Hiện cả hai con chung đang ở với chị Tr. Khi ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên khi ly hôn, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị Tr và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03-7-2020 và bản tự khai bổ sung ngày 12-8-2020, quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Xuân N có lời khai phù hợp với lời khai của chị Tr về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh N là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Anh N xác nhận: Năm 2019 có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr nhưng sau đó xin rút đơn để đoàn tụ gia đình. Su khi rút đơn, anh N và chị Tr đã hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh N nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Tr đã trình bày. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ly, cháu Khánh giao cho chị Tr nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, đã tự thỏa thuận về nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Tr, anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Tr, anh N là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ giữa chị Phạm Thị Tr và anh Phạm Xuân N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và

được UBND xã HQ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 22-12-2008. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng, tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí xúc phạm lẫn nhau. Anh N, chị Tr đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị Tr, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, xin thuận tình ly hôn.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr, anh N là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa chị Tr, anh N được các bên thừa nhận, chính quyền địa phương xác nhận nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Tr, anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Tr và anh Phạm Xuân N có 02 con chung là cháu Phạm Khánh Ly, sinh ngày 13-10-2009 và cháu Phạm Bảo Khánh, sinh ngày 08-4-2011, hiện đang do chị Tr nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Tr có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng; anh N có nguyện vọng nuôi cháu Ly, cháu Khánh để chị Tr nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr giao nộp 01 bản hợp đồng lao động kèm xác nhận bằng lương từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020 của công ty cổ phần may Sông Hồng; anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Ly và cháu Khánh đều có nguyện vọng xin ở với mẹ để là chị Phạm Thị Tr.

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, hai con chung đều đang ở với chị Tr và các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ; chị Tr hiện là công nhân công ty cổ phần may Sông Hồng nên có thu nhập ổn định. Trong khi đó, ông Phạm Văn Cơ là bố đẻ anh N xác nhận: Anh N hiện làm công việc xa nhà, không thường xuyên có mặt tại địa phương; bản thân anh N không cung cấp các chứng cứ chứng minh về thu nhập cũng như các điều kiện cần thiết khác để nuôi dạy con chung. Do đó, xét nên giao cả hai con chung là cháu Phạm Khánh Ly và cháu Phạm Bảo Khánh cho chị Phạm Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chị Tr và anh N, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Tr, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tr và anh Phạm Xuân N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Khánh Ly, sinh ngày 13-10-2009 và cháu Phạm Bảo Khánh, sinh ngày 08-4-2011 cho chị Phạm Thị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Tr mà được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Hiện cháu Ly và cháu Khánh đang do chị Tr nuôi dưỡng nên hai bên không phải bàn giao con cho nhau.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị Tr phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002217 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Tr, anh Phạm Xuân N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HQ: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Trần Văn Kiêm

Ngô Thị Hoè

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HQ: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Trần Văn Kiêm

Ngô Thị Hoè

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HQ: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoè

